

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 16/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- T Hnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thám – Phó chủ tịch Liên đoàn lao động thị xã A;
2. Ông Võ Anh Tài – Bí Thư thị đoàn thị xã A;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bình An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc H; tên gọi khác (Th), sinh ngày 11/9/1996 tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số nhà H đường N, tổ B thị trấn N, Huyện Ng, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: thợ chạm khắc đá; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc S và bà Nguyễn Thị Lệ H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Vĩnh Ph, sinh năm 1970; trú tại: Số nhà C đường T, Tổ M, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1996; trú tại: Số nhà H đường N, tổ B thị trấn N, Huyện Ng, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

2. Anh Trần Minh C, sinh năm 1973; trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

3. Anh Phạm Minh H, sinh năm 1998; trú tại: Tổ N phường Lê Lợi, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1973; trú tại: Tổ M, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Vân K, sinh năm 1974; trú tại: Tổ M, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng thì nội dung vụ án như sau:

Vào đầu năm 2014, Trần Ngọc H cùng cha là ông Trần Ngọc S, đến mượn nhà ở rẫy của anh Trần Minh C, (*Anh C là cháu gọi ông S bằng cậu*) tại làng C, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để làm nghề chạm khắc gỗ. Đến tháng 6/2014 ông S về Huyện Ng, tỉnh Kon Tum để xây nhà thì H ở lại một mình tại nhà trong rẫy để làm nghề. Do không có việc làm nên khoảng 17 giờ 00 phút ngày 08/6/2014 H đi nhờ xe máy của người đi đường để ra thị xã A đến tiệm Internet gần tiệm bán đồ điện Đ ở tổ C, phường P, thị xã A để chơi trò chơi điện tử. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày tiệm Internet đóng cửa, H rời khỏi tiệm Internet, một mình đi bộ dạo xuống hướng chợ thị xã A, đi vào đường T, tổ M, phường P, thị xã A. Khi đi đến trước nhà anh Nguyễn Vĩnh Ph ở số nhà C, đường T, tổ M, phường P, thị xã A thì H thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ-đen BKS 81N1-8805, có số khung 609Y083493; số máy 5B96083495, dựng ở vỉa hè đường Trần Quang Diệu, trên xe có gắn chìa khóa. H quan sát không có người trông coi nên H nảy sinh ý định lấy trộm, H đến ngồi lên chiếc xe đó, bật chìa khóa để nổ máy và bỏ chạy về hướng trại rẫy ở làng C, xã Y huyện Đ, tỉnh Gia Lai để cất giấu và tháo biển số của xe vứt đi. Đến tháng 7/2014, cha của H là Trần Ngọc S xây nhà xong ở huyện Ng, tỉnh Kon Tum nên thuê 01 xe ô tô tải nhỏ để chuyển một số đồ đạc từ trại rẫy ở huyện Đ, Gia Lai về nhà tại huyện Ng, Kon Tum. Lúc này, H đã đưa xe máy trộm được lên ô tô chở về nhà tại Huyện Ng, tỉnh Kon Tum để sử dụng. Khi đưa xe trộm được về đến Kon Tum, H đi đến tiệm mua bán phế liệu gần nhà thấy 01 biển số xe mô tô 82E1-00368 vứt bỏ nên xin đem về gắn vào xe sử dụng và nói dối ông Trần Ngọc S là xe mượn của bạn. Sau đó, ông Trần Ngọc S cho H đi học nấu ăn ở Đà Nẵng 01 năm rưỡi, H đem xe trộm được ra thành phố Đà Nẵng sử dụng. Sau khi học xong H về lại Huyện Ng, tỉnh Kon Tum và tiếp tục nói dối bố Trần Ngọc S, xe H đang sử dụng là do đi làm thêm có tiền nên mua lại của bạn để sử dụng cho đến nay.

Đến đầu năm 2018, H đem xe xuống huyện G, tỉnh Kon Tum làm nghề chạm khắc đá cùng ông S. Ngày 20/3/2018, H đưa xe cho Phạm Minh H, sinh năm 1998 (*H là người làm công chạm khắc đá cho ông Trần Ngọc S*) để đi ra trung tâm huyện G mua vật liệu thì bị Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện G, tỉnh Kon Tum kiểm tra, do xe không có giấy tờ nên Công an đã tạm giữ để xác minh làm rõ

nguồn gốc. Ngày 13/4/2018 Trần Ngọc H đến Công an huyện G, tỉnh Kon Tum đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe máy nói trên của anh Nguyễn Vĩnh Ph, tại số nhà C, đường T, tổ M, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai, vào tối ngày 08/6/2014.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 77/KLĐGTS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã A kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter mang BKS 81N1-8805 có số khung 609Y083493; số máy 5B96083495 đã qua sử dụng đến thời điểm bị mất tháng 6/2014 trị giá 16.800.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thị xã An Khê tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ-đen, không còn biển kiểm soát, có số khung 609Y083493; số máy 5B96083495 xác định là của anh Nguyễn Vĩnh Ph, chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã ra quyết định trả lại cho anh Ph theo quy định pháp luật. Đối với biển kiểm soát xe 81N1-8805, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Trần Ngọc H đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Vĩnh Ph số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để sửa chữa và chi phí làm lại Biển kiểm soát của xe mô tô nói trên. Anh Nguyễn Vĩnh Ph đã đồng ý nhận số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 16/CTr-VKS ngày 20/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Trần Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị hại anh Nguyễn Vĩnh Ph, có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 08/6/2014 anh Ph có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ-đen BKS 81N1-8805, có số khung 609Y083493; số máy 5B96083495 ở vỉa hè trước nhà của anh Ph thì bị mất (*Chiếc xe này anh Ph mua lại của chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1972 ở thôn H, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào năm 2013 với giá 23.000.000đ*). Anh Ph đã báo cáo Công an phường P, thị xã A và Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai về sự việc trên từ năm 2014. Đến nay, anh đã nhận lại chiếc xe bị mất nói trên và được gia đình bị cáo Trần Ngọc H bồi thường số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để anh Ph sửa chữa và làm lại biển kiểm soát của chiếc xe nói trên nên anh đã viết đơn bãi nại. Về phần dân sự anh Ph không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nữa.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; ông Trần Ngọc S, anh Trần Minh C tại phiên tòa thể hiện: Ông Trần Ngọc S, là cha của Trần Ngọc H, việc H trộm cắp chiếc xe nói trên ông hoàn toàn không biết, khi bị Công an huyện G, tỉnh Kon Tum tạm giữ chiếc xe thì H mới nói với ông là xe

trộm cắp ở thị xã A, tỉnh Gia Lai vào năm 2014 nên ông mới dẫn H đến Công an đầu thú. Ông đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Hôm nay, ông không yêu cầu H trả lại số tiền đó cho ông. Anh Trần Minh C, là cháu ruột của Trần Ngọc S. Trước đây, ông S có mượn nhà rẫy của anh ở Làng C, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để ở và làm nghề. Anh không ở cùng nên không biết gì về việc Trần Ngọc H trộm cắp chiếc xe nói trên. Tại phiên tòa anh không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 90, khoản 1 Điều 101 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H từ 09 đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, mặt khác mức hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999 bằng mức hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 08/6/2014 Trần Ngọc H đã lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ-đen BKS 81N1-8805 của anh Nguyễn Vĩnh Ph, trị giá 16.800.000đ (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú tại Công an huyện G, tỉnh Kon Tum; hơn nữa, bị cáo đã được người bị hại là anh Nguyễn Vĩnh Ph, làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì thế, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (hơn 17 tuổi). Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về hình phạt: Mặc dù khi phạm tội bị cáo chưa thành niên nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, trị giá 16.800.000đ, để phục vụ nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất an ninh, trật tự ở khu vực dân cư, cộng đồng và xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành động của bị cáo gây ra để giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Vĩnh Ph số tiền 5.000.000đ (*Năm Triệu đồng*) để sửa chữa và làm lại biển kiểm soát chiếc xe do bị cáo H chiếm đoạt. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về vật chứng: Đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên không xem xét.

[10] Đối với ông Trần Ngọc S, là cha của bị cáo, anh Trần Minh C, là người cho cha bị cáo ở nhờ tại rẫy và anh Phạm Minh H, là người điều khiển chiếc xe do bị cáo H trộm cắp. Những người này không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc H nên không đề cập.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2018). Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn